

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức. Học sinh ôn tập kiến thức có nội dung sau:

- Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung Du và miền núi phía Bắc
- Phát triển kinh tế – xã hội ở Đồng bằng sông Hồng
- Phát triển kinh tế- xã hội ở Bắc Trung Bộ
- Phát triển kinh tế - xã hội ở Nam Trung Bộ (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên)
- Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ
- Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long

1.2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Kỹ năng nhận xét biểu đồ, bảng số liệu và nhận diện biểu đồ
- Kỹ năng tính toán bài tập địa lí

2. NỘI DUNG

2.1. Bảng năng lực và cấp độ tư duy

T T	Chủ đề/ Phần	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan												
			Nhiều lựa chọn			“Đúng- Sai”			Trả lời ngắn			Biết	Hiểu	VD	
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD				
1	Địa lí các vùng kinh tế	Vấn đề khai thác thế mạnh ở TDMN phía Bắc	2			1	1	2				3	1	2	15
		Phát triển kinh tế – xã hội ở ĐB sông Hồng	3	2					1		3	3		15	
		Phát triển kinh tế- xã hội ở Bắc Trung Bộ	3	1	1				1		3	2	1	15	
		Phát triển kinh tế- xã hội ở Nam Trung Bộ	2				2	2	2		3	3	2	20	
		Phát triển kinh tế – xã hội ở Đông Nam Bộ	1		1		2	2	1	1		2	3	2	15
		Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở ĐBSCL	1	1		1	1	2	1		2	2	3	20	
Tổng số câu/ lệnh hỏi			12	4	2	2	6	8	2	4		16	14	10	
Tổng số điểm			3,0	1,0	0,5	0,5	1,5	2,0	0,5	1,0					
Tỉ lệ %			45			40			15			40	35	25	

2.2. Câu hỏi và bài tập minh họa

* Nhận biết

Câu 1. Tài nguyên khoáng sản nổi bật của vùng Đông Nam Bộ là

- A. cao lanh, đá vôi. B. đất sét, đá vôi. C. dầu, khí đốt. D. bô xít, dầu.

Câu 2. Sông có trữ năng thủy điện lớn nhất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. sông Gâm. B. sông Đà. C. sông Chảy. D. sông Lô.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây không đúng với vị trí địa lí và lãnh thổ vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Giáp vùng biên giàu tiềm năng. B. Có diện tích tự nhiên lớn nhất.
C. Có biên giới với Trung Quốc và Lào. D. Giáp với Đồng bằng sông Hồng.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Số lượng trâu của vùng trung du miền núi Bắc Bộ và cả nước giai đoạn 2018 - 2023

(Đơn vị: Nghìn con)

Năm	2018	2019	2020	2023
Trung du và miền núi phía Bắc	1391,2	1332,4	1293,9	1195,5
Cả nước	2486,9	2388,8	2332,8	2136,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê năm 2024)

a) Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô đàn trâu của Trung du và miền núi Bắc Bộ so với cả nước.

b) Đàn trâu của vùng chiếm tỉ lệ cao trong cả nước.

c) Vùng nuôi nhiều trâu vì đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

d) Giải pháp chủ yếu phát triển nuôi trâu theo hướng sản xuất hàng hóa là phát triển vùng chăn nuôi tập trung, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi gắn với công nghiệp chế biến.

Câu 5. Điều kiện sinh thái nông nghiệp nào sau đây không phải của Bắc Trung Bộ?

A. Nhiều sông lớn, đồng bằng rộng.

B. Đồng bằng hẹp, vùng đồi trước núi.

C. Đất phù sa, đất feralit và đất badan.

D. Thường xảy ra thiên tai, nạn cát bay.

Câu 6. Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thể mạnh về

A. chăn nuôi gia súc lớn.

B. cây công nghiệp hàng năm.

C. chăn nuôi gia cầm.

D. cây lương thực và nuôi lợn.

Câu 7. Nguyên nhân chủ yếu để Nam Trung Bộ có ưu thế hơn Bắc Trung Bộ trong khai thác hải sản là

A. có các ngư trường rộng lớn.

B. tất cả các tỉnh đều giáp biển.

C. có nhiều vũng, vịnh, đầm phá.

D. điều kiện hải văn thuận lợi.

Câu 8. Các ngư trường lớn ở Nam Trung Bộ là

A. Quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa, vịnh Bắc Bộ.

B. Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau - Kiên Giang, vịnh Bắc Bộ.

C. Ninh Thuận - Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau - Kiên Giang.

D. Ninh Thuận - Bình Thuận, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

Câu 9: Bắc Trung Bộ không tiếp giáp với vùng nào sau đây?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Trung du và miền núi phía Bắc.

C. Nam Trung Bộ.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 10: Địa điểm du lịch nào sau đây không phải là du lịch biển?

A. Cửa Lò.

B. Thiên Cầm.

C. Lăng Cô.

D. Pù Mát.

* Thông hiểu

Câu 1. Khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long thể hiện rõ nét tính chất

A. ôn đới.

B. nhiệt đới.

C. cận nhiệt đới.

D. cận xích đạo.

Câu 2. Một xe ô tô vận chuyển 5 tấn hàng hoá từ Lào Cai đến Hà Nội với quãng đường 296 km. Tính khối lượng luân chuyển của xe ô tô trên. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tấn.km)

Câu 3. Số lượt khách du lịch nội địa nước ta tăng lên chủ yếu do

A. có nhiều tiềm năng về du lịch.

B. mức sống người dân được nâng cao.

C. có nguồn lao động du lịch tăng.

D. cơ sở vật chất, kĩ thuật được đầu tư.

Câu 4. Mặt hàng nào sau đây không phải là hàng xuất khẩu chủ yếu của nước ta?

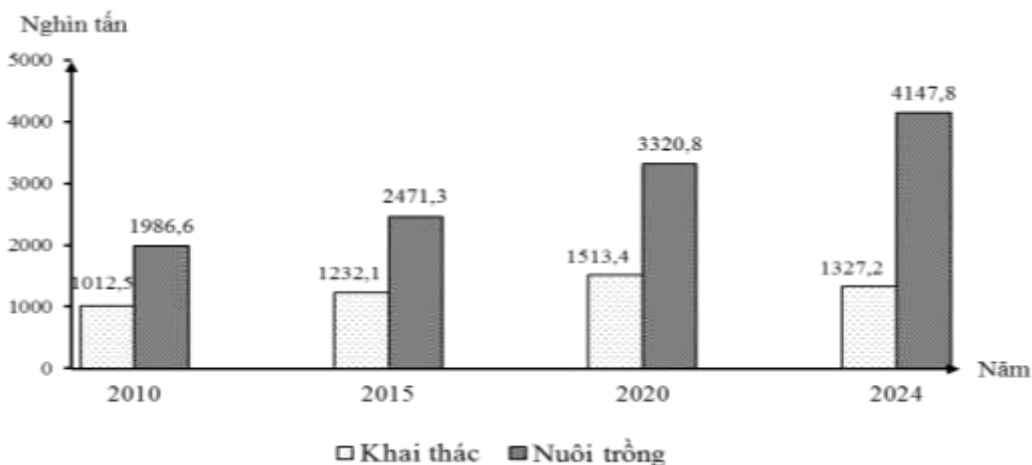
A. Tiểu thủ công nghiệp.

B. Nông - lâm - thủy sản.

C. Khoáng sản.

D. Máy móc công nghệ cao.

Câu 5: Cho biểu đồ:



Sản lượng thủy sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2010 - 2024

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2024, <https://www.gso.gov.vn>)

a) Sản lượng thủy sản khai thác của Đồng bằng sông Cửu Long luôn lớn hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.

b) Năm 2024 so với năm 2010, sản lượng thủy sản nuôi trồng của Đồng bằng sông Cửu Long tăng nhanh hơn sản lượng khai thác.

c) Năm 2024 so với năm 2010, tổng sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long tăng thêm 2475,9 nghìn tấn.

d) Đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng thủy sản lớn chủ yếu do ở đây có dân số đông, lao động dồi dào, nhu cầu tiêu thụ lớn.

Câu 6. Năm 2021, nước ta có trị giá xuất khẩu là 336,1 tỉ USD và trị giá nhập khẩu là 332,8 tỉ USD. Tính cán cân xuất nhập khẩu của nước ta?

Câu 7. Thế mạnh để Đồng bằng sông Hồng phát triển kinh tế biển là

- A. đồng bằng chiếm phần lớn diện tích với đất phù sa màu mỡ.
- B. đồi núi ở phía bắc, rìa phía tây, tây nam có đất feralit chủ yếu.
- C. nhiều vũng, vịnh ven biển; vùng biển có nhiều đảo, quần đảo.
- D. các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển, sinh vật nhiệt đới.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây thể hiện thuận lợi về mặt xã hội để Đồng bằng sông Hồng tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài?

- A. Lao động đông và có chất lượng cao nhất nước.
- B. Cơ sở hạ tầng tốt vào loại bậc nhất của cả nước.
- C. Môi trường đầu tư kinh doanh có nhiều thuận lợi.
- D. Kinh tế hàng hóa phát triển với nhiều trung tâm lớn.

Câu 9. Điều kiện để Bắc Trung Bộ hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là

- A. lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang và có đủ đồi, núi, đồng bằng; biển đảo.
- B. khu vực đồi, núi nằm ở phía tây lãnh thổ, đất feralit khá màu mỡ.
- C. dải đồng bằng ven biển hẹp ngang, kéo dài, chủ yếu là đất cát pha.
- D. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, có sự phân hoá.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây không đúng với hoạt động nội thương của Đông Nam Bộ?

- A. dân số đông nên nhu cầu tiêu thụ lớn, hàng hóa chủ yếu là các nông sản.
- B. có tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng nhanh.
- C. có số lượng các cơ sở siêu thị và trung tâm thương mại ngày càng nhiều.
- D. phục vụ ngày càng có hiệu quả nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của dân cư.

*** Vận dụng**

Câu 1. Hàng nội địa và xuất khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. sản xuất trong nước phát triển, chính sách đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. nguồn tài nguyên thiên nhiên cho sản xuất phong phú, đa dạng.
- C. nhiều thành phần kinh tế tham gia sản xuất, nguyên liệu đa dạng.
- D. đẩy mạnh việc xuất khẩu, khai thác nguồn khoáng sản, thủy sản.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010 - 2024

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm Tiêu chí	2010	2015	2020	2024
Tổng sản lượng thủy sản	2999,1	3703,4	4834,2	5475,0
- Sản lượng nuôi trồng	1986,6	2471,3	3320,8	4147,8
- Sản lượng đánh bắt	1012,5	1232,1	1513,4	1327,2

(Nguồn: Tổng cục thống kê, năm 2024)

- a) Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất thủy sản lớn nhất nước ta.
- b) Biểu đồ đường là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nuôi trồng và đánh bắt của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010 - 2024.
- c) Tỷ trọng sản lượng thủy sản đánh bắt có xu hướng tăng trong cơ cấu giá trị sản lượng thủy sản.
- d) Sản lượng nuôi trồng luôn cao hơn đánh bắt do nuôi trồng có nhiều thuận lợi để phát triển.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Nam Trung Bộ đã chú trọng khai thác có hiệu quả các thế mạnh để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển. Hoạt động này có ý nghĩa quan trọng trong bảo vệ nguồn lợi sinh vật biển và môi trường sinh thái, tạo sức mạnh tổng hợp, củng cố an ninh quốc phòng trong vùng và cả nước.

- a) Thế mạnh để phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Nam Trung Bộ là nghề cá, du lịch biển, dịch vụ hàng hải, khai khoáng.
- b) So với các vùng lãnh thổ khác Nam Trung Bộ có nhiều địa điểm tốt để xây dựng cảng biển nước sâu.

- c) Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Nam Trung Bộ là tạo việc làm và xây dựng hệ thống đô thị lớn.
- d) Giải pháp chủ yếu để phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Nam Trung Bộ là mở rộng thị trường, xây dựng kinh tế liên hoàn, đầu tư công nghệ.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Lãnh thổ Bắc Trung Bộ kéo dài từ bắc xuống nam và hẹp ngang theo chiều đông tây, với trên 70% diện tích là đồi núi. Từ tây sang đông, có 3 dạng địa hình khá phổ biến: đồi núi ở phía tây, đồng bằng chuyển tiếp, biển, thềm lục địa và các đảo ở phía đông, tạo thuận lợi để Bắc Trung Bộ hình thành cơ cấu kinh tế lâm nghiệp, nông nghiệp và thủy sản.

- a) Tất cả các tỉnh Bắc Trung Bộ đều có đồi núi phía tây, đồng bằng ở giữa, vùng biển phía đông.
- b) Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là cơ cấu chung của các tỉnh trong vùng.
- c) Việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là tạo mặt hàng xuất khẩu chủ lực cho vùng.
- d) Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp

Câu 5: Nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác động chủ yếu của

- A. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nhu cầu lớn của thị trường.
- B. khai thác hiệu quả thế mạnh, tăng cường xuất khẩu hàng hóa.
- C. đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, phát triển các sản phẩm có giá trị.
- D. sản xuất theo hướng thâm canh, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Câu 6: Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích lớn hơn Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. tổng lượng phù sa sông, khí hậu nóng ẩm và thềm lục địa.
- B. nhiều cửa sông lớn, rừng ngập mặn và hoạt động con người.
- C. thềm lục địa, diện tích lưu vực và tổng lượng phù sa sông.
- D. lịch sử khai thác lãnh thổ, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

Câu 7: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho diện tích rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long giảm sút?

- A. Xây dựng khu dân cư vượt lũ, khai khẩn đất hoang hóa.
- B. Khai khẩn đất hoang hóa, phát triển nuôi tôm, cháy rừng.
- C. Phát triển nuôi tôm, cháy rừng, mở các tuyến giao thông.
- D. Mở các tuyến giao thông, xây dựng khu dân cư vượt lũ.

Câu 8: Phân bố nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay có sự thay đổi chủ yếu do

- A. Xâm nhập mặn, hạn hán đe dọa ngày càng nhiều.
- B. Lợi thế tài nguyên, thiên tai mỗi vùng khác nhau.
- C. Phát triển sản xuất hàng hóa, đa dạng nông sản.
- D. Có nhiều loại đất, nguồn nước ngọt bị suy giảm.

Câu 9: Năm 2024 dân số của Đồng bằng sông Cửu Long là 17,5 triệu người, tỉ lệ dân thành thị là 27,6%. Hãy tính số dân nông thôn của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2024. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của triệu người)

Câu 10: Cho bảng số liệu:

Số lượng tàu khai thác hải sản biển có công suất từ 90 CV trở lên của cả nước, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, năm 2024

(Đơn vị: chiếc)

Vùng	Cả nước	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
Số lượng tàu, thuyền khai thác thủy sản	34730	2468	9729

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết số lượng tàu, thuyền của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2024 gấp bao nhiêu lần Đông Nam Bộ? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

2.3. Đề minh họa

Họ, tên học sinh:.....Lớp.....

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. HS trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi HS chỉ chọn một phương án. (3 điểm)

Câu 1. Phát biểu nào sau đây đúng với Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Mùa lũ bị ngập trên diện rộng. B. Có hệ thống đê điều chằng chịt.
C. Đất phèn, đất mặn không nhiều. D. Hầu hết là các khu địa hình cao.

Câu 2. Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với việc sử dụng hợp lý đất đai ở Đồng bằng sông Cửu Long vì

- A. nước ngọt rất cần thiết cho phát triển nuôi trồng thủy sản.
B. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, cần nước ngọt để cải tạo.
C. thiếu nước ngọt cho đời sống sinh hoạt và cho sản xuất.
D. thiếu nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

Câu 3 Ngành nào sau đây của Đông Nam Bộ có nguy cơ bị ảnh hưởng lớn nhất khi công nghiệp dầu khí phát triển mạnh?

- A. Du lịch biển. B. Vận tải biển.
C. Dịch vụ dầu khí. D. Chế biến hải sản.

Câu 4. Đâu không phải là thế mạnh nổi bật của Đông Nam Bộ?

- A. Phát triển sản xuất lương thực. B. Trồng các loại cây công nghiệp.
C. Khai thác dầu khí quy mô lớn. D. xây dựng nhà máy thủy điện.

Câu 5. Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sản xuất chè ở Nam Trung Bộ là

- A. có đất badan trên các cao nguyên rộng, khí hậu cận xích đạo.
B. đất feralit trên nhiều loại đá mẹ, khí hậu phân hóa theo độ cao.
C. mực nước ngầm phong phú, địa hình các cao nguyên xếp tầng.
D. mạng lưới sông ngòi dày đặc, diện tích rừng còn tương đối lớn.

Câu 6. Khoáng sản có giá trị lớn nhất ở Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là

- A. a-pa-tit. B. bô-xít. C. quặng sắt. D. quặng đồng.

Câu 7. Điểm nổi bật của tự nhiên vùng phía Đông Nam Trung Bộ là

- A. lãnh thổ hẹp, nằm ở sườn Tây Trường Sơn, giáp biển.
B. lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc - Nam, vị trí đón gió.
C. lãnh thổ hẹp ngang, có mưa về thu đông và mùa khô kéo dài.
D. lãnh thổ hẹp, bị chia cắt bởi các dãy núi đâm ngang ra biển.

Câu 8. Thế mạnh để phát triển du lịch biển ở Nam Trung Bộ là có

- A. quần đảo, nhiều bãi cát ven biển. B. các đảo ven bờ, các bãi biển đẹp.
C. vùng biển sâu, nhiều ngư trường. D. các vịnh, cửa sông, ao hồ.

Câu 9. Việc trồng rừng ở thượng nguồn các con sông ở Bắc Trung Bộ có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Cung cấp gỗ cho xuất khẩu, bảo vệ bờ biển. B. Bảo vệ đa dạng sinh học, chống bão lớn.
C. Tạo môi trường sống cho loài sinh vật biển. D. Giữ đất, hạn chế lũ quét, chống xói mòn.

Câu 10. Loại đất chủ yếu ở dải đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

- A. đất phèn. B. đất xám. C. cát pha. D. đất mặn.

Câu 11. Động lực phát triển các ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Thu hút đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
B. Khai thác tốt thế mạnh, đa dạng hóa hoạt động sản xuất.

C. Thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lý tự nhiên.

D. Nâng cao hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm tại chỗ

Câu 12: Mạng lưới sông ngòi của Đồng bằng sông Hồng rất ít có giá trị về

A. Thủy lợi.

B. Giao thông.

C. Thủy điện.

D. Thủy sản.

Câu 13: Khó khăn lớn nhất vào mùa khô của Đồng bằng sông Cửu Long là

A. mực nước sông thấp, thủy triều ảnh hưởng mạnh.

B. nguy cơ cháy rừng cao, đất nhiễm mặn hoặc phèn.

C. đất nhiễm mặn hoặc phèn, mực nước ngầm hạ thấp.

D. thiếu nước ngọt trầm trọng, xâm nhập mặn lấn sâu.

Câu 14: Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với việc sử dụng hợp lý đất đai ở Đồng bằng sông Cửu Long vì

A. nước ngọt rất cần thiết cho phát triển nuôi trồng thủy sản.

B. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, cần nước ngọt để cải tạo.

C. thiếu nước ngọt cho đời sống sinh hoạt và cho sản xuất.

D. thiếu nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

Câu 15: Đông Nam Bộ có điều kiện thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây cao su?

A. Đất xám phù sa cổ, khí hậu có tính chất cận xích đạo.

B. Nhiều nhóm đất khác nhau, khí hậu có sự phân mùa.

C. Địa hình nhiều đồi núi, khí hậu phân hóa theo độ cao.

D. Khí hậu nóng quanh năm, có nhiều cao nguyên rộng.

Câu 16: Cho bảng số liệu:

Sản lượng một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2019	2020	2024
Mặt hàng				
Xăng	2 675,6	2 002,7	1 533,5	2 748,9
Phân bón	4 542,7	3 800,2	3 795,7	5 299,6

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2024)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi sản lượng xăng và phân bón của nước ta, giai đoạn 2015 - 2024?

A. Xăng tăng liên tục, phân bón giảm không liên tục.

B. Phân bón tăng không liên tục, xăng tăng liên tục.

C. Phân bón tăng liên tục, xăng tăng không liên tục.

D. Xăng tăng không liên tục, phân bón tăng không liên tục.

Câu 17: Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng của sản phẩm ngành trồng trọt ở Trung du và miền núi phía Bắc?

A. Kinh nghiệm của người dân và khoa học công nghệ.

B. Sinh vật, địa hình và nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

C. Thổ nhưỡng, địa hình và kinh nghiệm của người dân.

D. Điều kiện tự nhiên và nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

Câu 18: Đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp ở Trung du và miền núi phía Bắc nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

A. Khai thác hiệu quả các điều kiện tự nhiên và bảo vệ môi trường.

B. Giảm rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân.

C. Thích ứng với thị trường tiêu thụ, khai thác hiệu quả các nguồn lực.

D. Tăng khối lượng nông sản, thúc đẩy công nghiệp chế biến phát triển.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. HS trả lời câu 1, câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, HS chọn đúng hoặc sai. (2,0 điểm)

Câu1: Cho bảng số liệu:

Tổng số dân và số dân thành thị của vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2015 - 2025

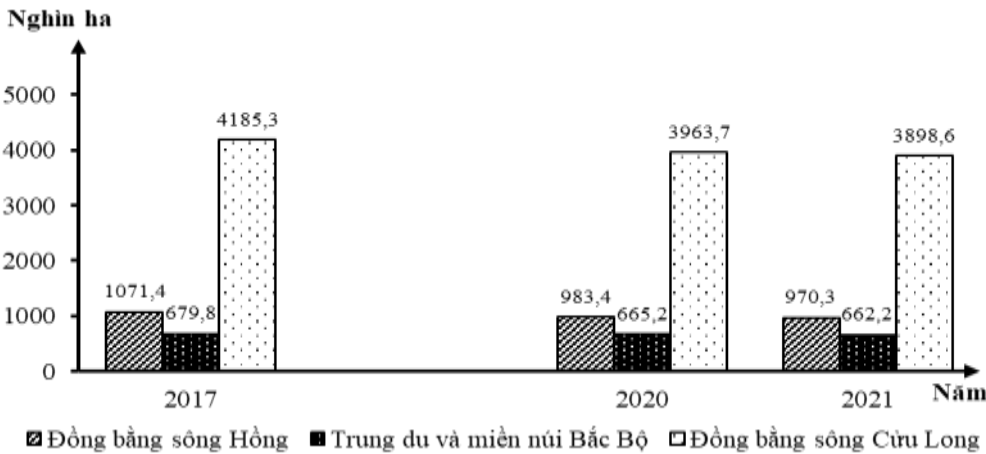
(Đơn vị : Nghìn người)

Năm	2015	2018	2020	2025
Tổng số dân	16 448,5	17 527,4	18 342,9	21 315,0
Trong đó : Số dân thành thị	10 279,6	11 018,9	12 172,3	13 385,8

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2025)

- a) Tổng số dân và số dân thành thị của Đông Nam Bộ tăng liên tục qua các năm.
b) Tỷ lệ dân thành thị luôn nhỏ hơn tỷ lệ dân nông thôn và đang tăng lên.
c) Số dân thành thị có tốc độ tăng nhanh hơn so với số dân nông thôn và tổng dân số.
d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện số dân thành thị và tỷ lệ dân thành thị của vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2025.

Câu 2. Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH LÚA MỘT SỐ VÙNG NƯỚC TA, NĂM 2017, 2020 VÀ 2021
(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

- a) Trung du và miền núi Bắc Bộ giảm nhiều hơn Đồng bằng sông Cửu Long .
b) Đồng bằng sông Cửu Long giảm chậm hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ.
c) Đồng bằng sông Hồng giảm chậm hơn Đồng bằng sông Cửu Long.
d) Đồng bằng sông Cửu Long giảm nhiều hơn Đồng bằng sông Hồng.

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Số lượng trâu của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và cả nước giai đoạn 2018 - 2024

(Đơn vị: Nghìn con)

Năm	2018	2019	2020	2024
Trung du và miền núi phía Bắc	1391,2	1332,4	1293,9	1130,1
Cả nước	2486,9	2388,8	2332,8	2032,4

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2024)

- a) Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô đàn trâu của Trung du và miền núi phía Bắc so với cả nước.
b) Đàn trâu của vùng chiếm tỷ lệ cao trong cả nước.
c) Vùng nuôi nhiều trâu vì đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu thụ.
d) Giải pháp chủ yếu phát triển nuôi trâu theo hướng sản xuất hàng hóa là phát triển vùng chăn nuôi tập trung, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi gắn với công nghiệp chế biến.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất cả nước, có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Vùng chiếm khoảng 50% diện tích gieo trồng và sản lượng lương thực có hạt của cả nước. Nông nghiệp của vùng được phát triển theo hướng sinh thái bền vững, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp xanh và hữu cơ.

- a) Áp dụng công nghệ sinh học, công nghệ môi trường để phát triển các mô hình kinh tế xanh, bền vững trên từng địa bàn là hướng phát triển kinh tế của Đồng bằng sông Cửu Long.
- b) Diện tích, năng suất lúa, sản lượng lương thực, xuất khẩu lương thực và bình quân lương thực đầu người của Đồng bằng sông Cửu Long đứng hàng đầu cả nước.
- c) Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có số dân đông nhất cả nước nên nhu cầu lương thực, thực phẩm rất lớn.
- d) Đồng bằng sông Cửu Long đã và đang có các giải pháp phù hợp trong sử dụng, cải tạo tự nhiên, phát triển kinh tế để luôn là vùng có vai trò đặc biệt với cả nước.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.

Câu 1: Năm 2023, Nam Trung Bộ có diện tích trồng lạc là 45,96 nghìn ha, sản lượng lạc là 116,82 nghìn tấn. Hãy cho biết năng suất lạc năm 2023 của Nam Trung Bộ là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng của vùng Nam Trung Bộ, giai đoạn 2010 - 2024

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2024
Tổng diện tích rừng	4793,9	4696,8	5005,2	5085,3
Diện tích rừng tự nhiên	4082	3731	3750,8	3668,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2024, NXB Thống kê, 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính tốc độ tăng trưởng diện tích rừng trồng của vùng Nam Trung Bộ năm 2024 so với năm 2010 (coi năm 2010 = 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại thành phố Hồ Chí Minh (Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

Tính biên độ nhiệt độ trung bình năm của Thành phố Hồ Chí Minh. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của °C)

Câu 4: Doanh thu du lịch lữ hành của vùng Đông Nam Bộ năm 2020 và 2024 lần lượt là 8286,7 tỉ đồng và 32504,9 tỉ đồng. Hãy cho biết, doanh thu du lịch lữ hành của vùng Đông Nam Bộ năm 2024 tăng thêm bao nhiêu % so với năm 2020? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển của ngành giao thông vận tải ở vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2020 - 2024

Năm	2020	2022	2024
Vận chuyển (triệu tấn)	307,0	395,2	452,4
Luân chuyển (triệu tấn.km)	46534,5	69181,9	86365,5

(Nguồn: Tổng cục thống kê, năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết cự li vận chuyển hàng hóa trung bình của ngành giao thông vận tải ở vùng Đông Nam Bộ năm 2024 tăng bao nhiêu km so với năm 2020? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 6: Năm 2024, tổng diện tích cà phê của nước ta là 731,9 nghìn ha, riêng Nam Trung Bộ là 678,8 nghìn ha. Tính tỉ trọng diện tích trồng cà phê của Nam Trung Bộ so với cả nước năm 2024. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

-----HẾT-----

Hoàng Mai, ngày 7 tháng 4 năm 2026
TỔ (NHÓM) TRƯỞNG